

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thịnh;

2. Ông Phạm Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện S , tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S , tỉnh Lào Cai tham gia phiên Tòa:
Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S , tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị C T V, sinh năm 2004.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã N S, huyện S , tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn S C H, xã Q H T, huyện S , tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh G S Q, sinh năm 2001.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn S C, xã N S, huyện S , tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị C T V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh G S Q về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, đến ngày 17/8/2023 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N S, huyện S , tỉnh Lào Cai. Ngay sau khi về ở với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q không chịu tu chí làm ăn mà thường xuyên đi chơi thỏ khỉ ăn tiền và mang tài sản của gia đình đi bán. Khi chị nói anh Q không được đi chơi nữa thì anh Q không nghe mà còn chửi chị, thỉnh thoảng còn đánh chị. Tháng 12/2023 con chị bị bệnh não phải vào viện nhưng anh Q không vào chăm sóc chị và con mà toàn đi chơi thỏ khỉ ăn tiền, chị phải thường xuyên đi gọi và bác sỹ đi gọi anh Q về để cùng chị chăm con, con chị vào viện một tuần thì mất. Sau đó chị về nhà ở cùng anh Q

hai ngày rồi về nhà bố mẹ đẻ ở thôn S C H, xã Q H T, huyện S , tỉnh Lào Cai. Trong thời gian chị về ở nhà bố mẹ đẻ, anh Q có đến đón chị nhiều lần nhưng chị không về. Từ tháng 12/2023 đến nay, vợ chồng chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy anh Q chỉ ham chơi bời, không tu trí làm ăn, không yêu thương quan tâm đến chị và tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân một thời gian nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh G S Q.

- Về nuôi con khi ly hôn; Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C T V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019. Đến ngày 17/8/2023 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N S, huyện S , tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, trước đây anh cũng có đi chơi trò chơi điện tử thỏ khi ăn tiền, nhưng nay anh cũng đã bỏ không chơi nữa. Khi vợ anh sinh con cháu không may bị bệnh não và mất do vậy chị V buồn chán bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại thôn S C H, xã Q H T, huyện S , tỉnh Lào Cai từ tháng 12/2023 cho đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh Q trình bày việc chị V kiện ly hôn nhưng anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị C T V, anh rất mong quý Tòa án thuyết phục, khuyên hòa giải để chị V quay về đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị V không có con chung nên không yêu cầu gì về giải quyết việc nuôi con.

- Về tài quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

4.1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến Điều 97. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xét xử theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị C T V được ly hôn với anh G S Q.
 - Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
4. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị V kiện ly hôn anh Q, anh Q cư trú tại thôn S C, xã N S, huyện S do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Mặc dù chị V và anh Q khi về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, nhưng đến ngày 17/8/2023 anh chị đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã N S, huyện S; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị V kiện ly hôn anh Q, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian gần đây do anh Q không tu trí làm ăn, thường xuyên chơi bời, vợ chồng không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, từ tháng 01/2024 chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn S C H, xã Q H T, huyện S sinh sống, vợ chồng bỏ mặc nhau và sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau, ngoài ra anh Q còn có hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị V kiện ly hôn với anh Q là có căn cứ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C T V được ly hôn anh G S Q.

[3]. *Về nuôi con khi ly hôn; về quan hệ tài sản, quyền và nghĩa vụ về tài sản*: anh chị không có nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Do gia đình chị C T V thuộc diện hộ nghèo nên chị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị C T V được ly hôn với anh G S Q.
2. *Về án phí*: Chị C T V được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
3. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND H. S (2);
- Chi cục THADS H. S ;
- UBND xã N S, h. S ;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

